Biểu mẫu 05

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phòng giáo dục và đào tạo Quận Long Biên
Trường THCS Phúc Đồng

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2016-2017

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	**Lớp 7**	**Lớp 8**	**Lớp 9**
I	**Điều kiện tuyển sinh**	Theo đúng quy định của Sở GD&ĐT Hà Nội	- Học sinh đủ điều kiện lên lớp theo thông tư 58/2011/TT-BGDĐT.		
II	**Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ**	- Theo chương trình của Bộ giáo dục và đào tạo			
III	**Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.** **Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh**	- Phối hợp thường xuyên thông qua sổ liên lạc, gọi điện thoại hoặc gặp trực tiếp - Học sinh có thái độ học tập tích cực và thực hiện nghiêm túc nội quy nhà trường			
IV	**Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)**	- Đáp ứng đủ nhu cầu dạy và học - Học sinh được tiếp cận các phương tiện dạy học hiện đại - Học sinh được học tập Tin học, khai thác thông tin trên mạng tại phòng máy vi tính có kết nối internet.			
V	**Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục**	-Học sinh được tham gia các hoạt động sinh hoạt ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp, chăm sóc các di tích lịch sử. - Học sinh được tham gia các hội thi do Liên đội tổ chức.			
VI	**Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục**	- Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn và trên chuẩn. - Quản lý các hoạt động dạy và học theo điều lệ trường THCS. - Thường xuyên trao đổi thông tin với PHHS.			
VII	**Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được**	Bằng và vượt chỉ tiêu so với năm học 2015-2016			
VIII	**Khả năng học tập tiếp tục của học sinh**	Thực hiện phổ cập giáo dục THCS Học sinh tham dự kì thi tuyển sinh vào lớp 10 để tiếp tục học THPT.			

Phúc Đồng, ngày 15 tháng 06 năm 2017

Hiệu trưởng

Võ Hương Lam

Biểu mẫu 09

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phòng giáo dục và đào tạo Quận Long Biên
Trường THCS Phúc Đồng

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2016-2017

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**387**	**95**	**96**	**120**	**76**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**374** **96.64%**	90 94.74%	91 94.79%	120 100%	73 96.05%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**13** **3.36%**	5 5.26%	5 5.21%	0 0%	3 3.95%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	**0** **0%**	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	**0** **0%**	0	0	0	0
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**387**	**95**	**96**	**120**	**76**
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	**174** **44.96%**	41 43.16%	42 43.75%	48 40%	43 56.58%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**159** **41.09%**	38 40%	44 45.83%	57 47.5%	20 26.32%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	**48** **12.4%**	14 14.74%	6 6.25%	15 12.5%	13 17.11%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	**06** **1.55%**	2 2.11%	4 4.17%	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	0	0
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**387**	**95**	**96**	**120**	**76**
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	**%**	%	%	100 %	100 %
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	**174** **44.96%**	41 43.16%	42 43.75%	48 40%	43 56.58%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	**159** **41.09%**	38 40%	44 45.83%	57 47.5%	20 26.32%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	**06** **1.55%**	2 2.11%	4 4.17%	0 0%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	**1/2** **%**	0	0/2	1/0	0/0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	0	0
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**					
1	Cấp tỉnh/thành phố	**8**	1	0	2	5

2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	**1**	0	0	0	1
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	**76**				76
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	**76**				76
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	**43** **56.58%**				43 56.58%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**20** **26.32%**				20 26.32%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	**13** **17.11%**				13 17.11%
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập** (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập** (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	**200/187**	50/45	46/50	65/55	39/37
X	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	**3**	2	0	1	0

Phúc Đồng, ngày 15 tháng 06 năm 2017

Hiệu trưởng

Võ Hương Lam

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phòng giáo dục và đào tạo Quận Long Biên
Trường THCS Phúc Đồng

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2016-2017

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	12	24.4 m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	12	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	5	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	11/12	-
8	Bình quân học sinh/lớp	35	-
III	**Số điểm trường**	1	-
IV	**Tổng số diện tích đất** (m^2)	6548	
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	4000	
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	427,68	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	356,4	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m^2)	71,28	
3	Diện tích thư viện (m^2)	118,8	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	432	
5	Diện tích phòng khác (….)(m^2)	450	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	**4**	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	**1**	**1**
2	Khối lớp 7	**1**	**1**
3	Khối lớp 8	**1**	**1**
4	Khối lớp 9	**1**	**1**
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	**1**	
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	50	1 học sinh/bộ

IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	8	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1/18/9	
5	Thiết bị khác…		
..	……		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	**0**
XI	**Nhà ăn**	**0**

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	0		
XIII	**Khu nội trú**	0		

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3/3		6/6		1,67
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		0

*(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)*

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet (ADSL)**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

Phúc Đồng, ngày 15 tháng 06 năm 2017
Hiệu trưởng

Võ Hương Lam

Biểu mẫu 11

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phòng giáo dục và đào tạo Quận Long Biên
Trường THCS Phúc Đồng

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2016-2017

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước NĐ 116 và tuyển dụng theo NĐ 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo NĐ 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**36**	**29**	**7**	**0**	**3**	**15**	**5**	**2**	**3**	
I	**Giáo viên**	**24**	**20**	**4**		**3**	**16**	**5**	**0**	**0**	
	Trong đó số giáo viên dạy môn:										
1.	Toán	**5**	**3**	**2**			**5**	**0**			
2.	Lý	**1**	**1**				**1**				
3.	Hóa	**1**	**1**			**1**					
4.	Sinh vật	**2**	**2**			**1**	**1**				
5.	Địa lý	**1**	**1**				**1**				
6.	Văn học	**3**	**2**	**1**			**2**	**1**			
7.	Lịch sử	**1**	**1**				**1**				
8.	Ngoại ngữ	**3**	**2**	**1**			**3**				
9.	Thể Dục	**2**	**2**				**1**	**1**			
10.	Tin học	**1**	**1**				**1**				
11.	Công nghệ	**0**	**0**								
12.	Âm Nhạc	**1**	**1**				**1**				
13.	Mĩ Thuật	**1**	**1**					**1**			
14.	Giáo dục công dân	**1**	**1**					**1**			
II	**Cán bộ quản lý**	**2**	**2**				**2**				
1	Hiệu trưởng	**1**	**1**				**1**				
2	Phó hiệu trưởng	**1**	**1**				**1**				
III	**Nhân viên**	**10**	**7**	**3**			**4**		**1**	**5**	
1	Nhân viên văn thư	**1**	**1**				**1**				
2	Nhân viên kế toán	**1**	**1**				**1**				
3	Thủ quĩ	**0**	**0**								
4	Nhân viên y tế	**1**	**1**						**1**		
5	Nhân viên thư viện	**1**	**1**				**1**				
6	Nhân viên TBTN	**1**	**1**				**1**				
	Nhân viên bảo vệ, lao công	**5**	**2**	**3**						**5**	

Phúc Đồng, ngày 15 tháng 06 năm 2017
Hiệu trưởng

Võ Hương Lam